

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **128/2024/DS-ST**

Ngày: 02-8-2024

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

2. Bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2024/TLST-DS ngày 06/02/2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958. Nơi cư trú: số 52/2, ấp DT, xã Th P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phan T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: số 41/3, ấp T A, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2024, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào ngày 10/11/2021 bà X có cho bà Nguyễn Thị Phan T vay số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng, thời hạn bà X cho bà T vay tiền cho đến tháng 5 năm 2023 thì trả tiền cho bà X. Đến hạn, bà X đã yêu cầu bà T trả nợ nhưng không trả nên bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà T phải trả cho bà X số tiền 90.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Chúng cứ bà cung cấp cho Tòa án là Biên nhận ngày 10/11/2021 do bà T viết và ký tên nhận nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phan T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Phan T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Phan T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X với bà Nguyễn Thị Phan T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì bà Nguyễn Thị X có cung cấp cho Tòa án Bản chính Giấy nợ ngày 10/11/2021 có nội dung “*tôi Nguyễn Thị Phan T có thiếu chị Út S số tiền là chín chục triệu đồng chẵn...*” có chữ ký “T” và ghi rõ họ tên “Nguyễn Thị Phan T” ở cuối trang.

Xét thấy từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Phan T nhưng bà Phan T không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X nên xem như bà Phan T đã mặc nhiên thừa nhận nợ số tiền như bà X khởi kiện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà X có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

[5] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Buộc bà Nguyễn Thị Phan T phải có trách nhiệm trả cho bà X số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

Lãi suất, do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phan T phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 các Điều 147, 227, 228, 238 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Buộc bà Nguyễn Thị Phan T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

Lãi suất, do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Phan T có nghĩa vụ nộp: 4.500.000 (Bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

